

BÀI 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, ĐỊA HÌNH, KHOÁNG SẢN.

- Câu 1:** Châu Á là châu lục có diện tích rộng:
A. thứ nhất Thế giới. **B.** thứ hai Thế giới.
C. thứ ba Thế giới. **D.** thứ tư Thế giới.
- Câu 2:** Châu Á kéo dài từ vùng cực Bắc đến:
A. vùng Xích đạo. **B.** chí tuyến Bắc.
C. chí tuyến Nam. **D.** vòng cực Bắc.
- Câu 3:** Dãy núi cao nhất châu Á là:
A. Côn Luân. **B.** Thiên Sơn. **C.** Hi-ma-lay-a. **D.** An-Tai.
- Câu 4:** Các dãy núi cao và sơn nguyên của Châu Á tập trung chủ yếu ở
A. vùng Đông Nam. **B.** vùng trung tâm.
C. vùng Tây Bắc. **D.** vùng rìa phía Tây.
- Câu 5:** Đồng bằng nào sau đây không thuộc châu Á?
A. Đồng bằng Lưỡng Hà. **B.** Đồng bằng sông Nin.
C. Đồng bằng Tu-ran. **D.** Đồng bằng Ấn-Hằng.
- Câu 6:** Điểm nào sau đây không đúng với địa hình châu Á?
A. Có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao, đồ sộ.
B. Có nhiều đồng bằng rộng bậc nhất thế giới.
C. Địa hình tương đối bằng phẳng, ít bị chia cắt.
D. Các núi và sơn nguyên cao chủ yếu tập trung ở trung tâm.
- Câu 7:** Nguồn dầu mỏ và khí đốt của Châu Á tập trung chủ yếu ở khu vực nào?
A. Bắc Á. **B.** Đông Nam Á. **C.** Nam Á. **D.** Tây Nam. **Á.**
- Câu 8:** Phần đất liền châu Á không tiếp giáp đại dương nào sau đây?
A. Thái Bình Dương. **B.** Bắc Băng Dương.
C. Đại Tây Dương. **D.** Ấn Độ Dương.

Bài 2. KHÍ HẬU CHÂU Á.

- Câu 9:** Đới khí hậu nào sau đây có sự phân hoá đa dạng nhất?
A. Đới khí hậu ôn đới. **B.** Đới khí hậu cận nhiệt.
C. Đới khí hậu cực và cận cực. **D.** Đới khí hậu nhiệt đới.
- Câu 10:** Khu vực hoặc quốc gia nào sau đây nằm trong đới khí hậu xích đạo?
A. Trung Quốc. **B.** Ấn Độ. **C.** Việt Nam. **D.** In-đô-nê-xi-a.
- Câu 11:** Các kiểu khí hậu phổ biến ở châu Á là
A. khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa. **B.** khí hậu hải dương và khí hậu lục địa.
C. khí hậu lục địa và khí hậu núi cao. **D.** khí hậu gió mùa và khí hậu núi cao.
- Câu 12:** Châu Á có nhiều đới khí hậu do:
A. lãnh thổ rất rộng lớn. **B.** có nhiều núi và sơn nguyên.
C. lãnh thổ trải dài từ Cực đến xích đạo. **D.** có nhiều dãy núi cao.
- Câu 13:** Kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa ở châu Á phân bố chủ yếu ở:
A. Nam. **Á.** **B.** Bắc. **Á.** **C.** **Đông.**
Á. **D.** Trung. **Á.**
- Câu 14:** Nhận xét nào chưa đúng về khí hậu châu Á

- A.** Khí hậu châu Á phân hóa thành nhiều đới khác nhau.
B. Các đới khí hậu châu Á phân thành nhiều kiểu khí hậu khác nhau.
C. Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa.
D. Khí hậu châu Á phổ biến là đới khí hậu cực và cận cực.

Câu 15: Ở Việt Nam, vào mùa đông khu vực chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa Đông Bắc là:
A. Miền Bắc. **B.** Miền Trung. **C.** Miền Nam. **D.** Không nơi nào chịu ảnh hưởng.

Câu 16: Châu Á có nhiều kiểu khí hậu là do
A. lãnh thổ rất rộng lớn. **B.** lãnh thổ rộng lớn và địa hình phân hoá đa dạng.
C. lãnh thổ trải dài từ Cực đến xích đạo. **D.** có nhiều dãy núi cao.

Câu 17: Kiểu khí hậu nào chiếm diện tích lớn nhất ở Châu Á?
A. Khí hậu cực. **B.** Khí hậu hải dương.
C. Khí hậu lục địa. **D.** Khí hậu núi cao.

Câu 18: Khu vực Đông Nam Á thuộc kiểu khí hậu:
A. Nhiệt đới gió mùa. **B.** Ôn đới hải dương. **C.** Ôn đới lục địa. **D.** Khí hậu xích đạo.

Bài 3: SÔNG NGÒI VÀ CẢNH QUAN CHÂU. Á.

Câu 19: Con sông dài nhất Châu Á là:
A. Trường Giang. **B.** A Mua. **C.** Sông Hằng. **D.** Mê Kông.

Câu 20: Khu vực có mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều sông lớn là
A. Nam. **Á.** **B.** Tây Nam. **Á.** **C.** Đông.
Á. **D.** Trung. **Á.**

Câu 21: Loại cảnh quan chiếm ưu thế ở Châu Á là:
A. Rừng nhiệt đới. **B.** Cảnh quan lục địa và gió mùa.
C. Thảo nguyên. **D.** Rừng lá kim.

Câu 22: Đặc điểm nào sau đây đúng với sông ngòi châu Á?
A. Có rất ít sông ngòi. **B.** Chỉ có một vài sông nhỏ.
C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. **D.** Sông ngòi phân bố đều khắp lãnh thổ.

Câu 23: Khu vực nào sau đây có sông thường xuyên đóng băng thời gian dài vào mùa đông?
A. Đông. **Á.** **B.** Tây Nam. **Á.** **C.** Bắc.
Á. **D.** Đông Nam. **Á.**

Câu 24: Cảnh quan hoang mạc và bán hoang mạc phân bố chủ yếu ở khu vực nào?
A. Bắc. **Á.** **B.** Ven biển. **C.** Nội địa. **D.** Đông Nam.
Á.

Bài 4: PHÂN TÍCH HOÀNG LƯU GIÓ MÙA CHÂU. Á.

Câu 25: Hướng gió chính vào mùa đông ở Châu Á là:
A. Tây Bắc. **B.** Đông Nam. **C.** Tây Nam. **D.** Đông Bắc.

Câu 26: Hướng gió chính vào mùa hạ ở Châu Á là:
A. Tây Bắc. **B.** Đông Nam. **C.** Tây Nam. **D.** Đông Bắc.

Câu 27: Ở Việt Nam, vào mùa đông khu vực chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa Đông Bắc là
A. Miền Bắc. **B.** Miền Trung. **C.** Miền Nam. **D.** Cả ba miền đều chịu ảnh hưởng.

Bài 5: ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ XÃ HỘI CHÂU. Á.

- Câu 28:** Dân số Châu Á chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm dân số thế giới?
A. 55%. **B.** 61%. **C.** 69%. **D.** 72%.
- Câu 29:** Chủng tộc Môn-gô-lô-ít phân bố chủ yếu ở khu vực nào của Châu Á?
A. Tây Nam Á, Trung. **Á.** **B.** Đông Á, Đông Nam Á.
C. Trung Á, Đông Nam. **Á.** **D.** Đông Á, Tây Nam. **Á.**
- Câu 30:** Đông Nam Á là khu vực phân bố chủ yếu của chủng tộc nào?
A. Ô-xtra-lô-ít. **B.** Ô-rô-pê-ô-ít. **C.** Môn-gô-lô-ít. **D.** Nê-grô-ít.
- Câu 31:** Hồi giáo là một trong những tôn giáo lớn ở Châu Á ra đời tại:
A. Pa-let-tin. **B.** Ấn Độ. **C.** A-rập-xê-út. **D.** I – Ran.
- Câu 32:** Ở khu vực Đông Nam Á là nơi phân bố chính của tôn giáo:
A. Ấn Độ giáo. **B.** Phật giáo. **C.** Thiên Chúa giáo. **D.** Hồi giáo.
- Câu 33:** Quốc gia nào ở Đông Nam Á là nơi thịnh hành của Thiên Chúa giáo?
A. In-đô-nê-xi-a. **B.** Việt Nam. **C.** Phi-líp-pin. **D.** Thái Lan.
- Câu 34:** Quốc gia có tín đồ Hồi giáo đông nhất Châu Á và thế giới là:
A. In-đô-nê-xi-a. **B.** Ma-lai-xi-a. **C.** A-rập-xê-út. **D.** I – Ran.
- Câu 35:** Quốc gia đông dân nhất châu Á là
A. Trung Quốc. **B.** Thái Lan. **C.** Việt Nam. **D.** Ấn Độ.
- Câu 36:** Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á không phải là:
A. Một châu lục đông dân nhất thế giới. **B.** Dân cư thuộc nhiều chủng tộc.
C. Nơi ra đời của các tôn giáo lớn. **D.** Dân cư chủ yếu thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-ít.

Bài 6: ĐỌC, PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ PHÂN BỐ DÂN CƯ, CÁC ĐÔ THỊ LỚN Ở CHÂU Á.

- Câu 37:** Ở Châu Á khu vực nào có mật độ dân số thấp nhất (dưới 1 người/km²)
A. Nam Liên Bang Nga, bán đảo Trung Ấn. **B.** Bắc Liên Bang Nga, Tây Trung Quốc.
C. Đông Nam Á, Nam. **Á.** **D.** Ven biển Đông Á, Tây Nam. **Á.**
- Câu 38:** Nơi có mật độ dân số dưới 1 người /km² không phải do
A. Có khí hậu lạnh giá. **B.** Nơi có địa hình hiểm trở.
C. Hoang mạc chiếm diện tích lớn. **D.** Nơi có khí hậu ôn hoà.
- Câu 39:** Khu vực có mật độ dân số đông (trên 100 người/km²) là:
A. Ven Địa Trung Hải. **B.** Ven biển Nhật Bản, Trung Quốc.
C. Ven biển Ấn Độ, Việt Nam. **D.** Bắc Á, Tây Nam. **Á.**
- Câu 40:** Nước nào sau đây có diện tích lớn nhất ở Châu Á?
A. A-rập-xê-út. **B.** Trung Quốc. **C.** Ấn Độ. **D.** Pa-ki-xtan.

Bài 7: ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CÁC NƯỚC CHÂU. Á.

- Câu 41:** Vào thời kỳ nào dân cư của các nước Châu Á đã phát triển các nghề thủ công tinh xảo?
A. Thời Cổ đại. **B.** Thời Trung đại. **C.** Thời Cận đại. **D.** Thời Hiện đại.
- Câu 42:** Các mặt hàng xuất khẩu nổi tiếng của khu vực Đông Á thời Cổ đại **không** phải?
A. Đồ gốm. **B.** Hương liệu. **C.** Đồ trang sức. **D.** Ô tô.

- Câu 43:** Quốc gia nào sau đây **không được** coi là nước công nghiệp mới?
A. Hàn Quốc. **B.** Đài Loan. **C.** Thái Lan. **D.** Xin-ga-po.
- Câu 44:** Những nước nào công nghiệp phát triển nhanh nhưng nông nghiệp vẫn giữ vai trò lớn?
A. Trung Quốc. **B.** Thái Lan. **C.** Nhật Bản. **D.** Xin-ga-po.
- Câu 45:** Những nước có thu nhập cao là những nước có:
A. Nền công nghiệp phát triển. **B.** Nền nông nghiệp phát triển.
C. Ngành dịch vụ kém phát triển. **D.** Dân số quá đông.
- Câu 46:** Việt Nam nằm trong nhóm nước:
A. Có thu nhập thấp. **B.** Thu nhập trung bình dưới.
C. Thu nhập trung bình trên. **D.** Thu nhập cao.
- Câu 47:** Nhận xét nào sau đây không đúng về đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội các nước châu Á?
A. Các nước châu Á có quá trình phát triển sớm.
B. Thời Cổ đại và Trung đại nhiều dân tộc châu Á đã đạt đến trình độ phát triển cao.
C. Từ thế kỉ XVI - XIX, hầu hết các nước châu Á trở thành thuộc địa của các đế quốc Anh, Pháp, Hà Lan, Tây Ban Nha,....
D. Các nước ở châu Á có trình độ phát triển kinh tế - xã hội rất đồng đều.
- Câu 48:** Các nước châu Á có quá trình phát triển sớm nhưng hiện nay số nước các quốc gia nghèo khổ vẫn chiếm tỉ lệ cao chủ yếu do
A. Châu Á nghèo tài nguyên thiên nhiên.
B. Châu Á nhiều thiên tai: động đất, núi lửa, bão,....
C. Chế độ phong kiến và thực dân kéo dài, nền kinh tế chậm phát triển kéo dài.
D. Ảnh hưởng các cuộc khủng hoảng kinh tế.
- Bài 8: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI CÁC NƯỚC CHÂU. A.**
- Câu 49:** Lúa gạo là cây trồng quan trọng nhất của khu vực có khí hậu:
A. Ôn đới lục địa. **B.** Ôn đới hải dương. **C.** Nhiệt đới gió mùa. **D.** Nhiệt đới khô.
- Câu 50:** Những nước nào sau đây sản xuất nhiều lương thực nhất thế giới?
A. Thái Lan, Việt Nam. **B.** Trung Quốc, Ấn Độ. **C.** Nga, Mông Cổ.
D. Nhật Bản, Ma-lai-xi-a.
- Câu 51:** Những nước nào sau đây xuất khẩu lương thực (lúa gạo) nhiều nhất thế giới?
A. Thái Lan, Việt Nam. **B.** Trung Quốc, Ấn Độ. **C.** Nga, Mông Cổ.
D. Nhật Bản, Ma-lai-xi-a.
- Câu 52:** Nước khai thác và xuất khẩu dầu mỏ lớn nhất Châu Á là:
A. Trung Quốc. **B.** A-rập-xê-út. **C.** I-rắc. **D.** Cô-oét.
- Câu 53:** Nước nào đã sớm đạt được nền công nghiệp trình độ cao nhất ở Châu Á?
A. Hàn Quốc. **B.** Nhật Bản. **C.** Xin-ga-po. **D.** Ấn Độ.
- Câu 54:** Cây lương thực nào đóng vai trò nhất ở châu Á?
A. Lúa mì. **B.** Lúa gạo. **C.** Ngô. **D.** Khoai.
- Câu 55:** Các nước khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á có các loại cây trồng chủ yếu:
A. Lúa mì, bông, chà là. **B.** Lúa gạo, ngô, chà là.
C. Lúa gạo, ngô, chè. **D.** Lúa gạo, lúa mì, ngô.
- Câu 56:** Vật nuôi quan trọng nhất ở khu vực Bắc Á lạnh giá là

- A. Lợn. B. Bò. C. Gà. D. Tuần lộc.

Bài 9: KHU VỰC TÂY NAM. A.

- Câu 57:** Các nước đế quốc luôn muốn gây ảnh hưởng đến khu vực Tây Nam Á không phải do
 A. Nằm trên đường giao thông quốc tế. B. Ngã ba của ba châu lục.
 C. Nguồn khoáng sản phong phú. D. Nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây.
- Câu 58:** Khu vực Tây Nam Á nằm trong đới hay kiểu đới khí hậu nào?
 A. Nhiệt đới khô. B. Cận nhiệt. C. Ôn đới. D. Nhiệt đới gió mùa.
- Câu 59:** Tây Nam Á nằm ở ngã ba của 3 châu lục nào?
 A. Châu Á-châu Âu- châu Phi. B. Châu Á-châu Âu- châu Mỹ.
 C. Châu Á-châu Phi-châu Mỹ. D. Châu Á-châu Âu- châu Đại Dương.
- Câu 60:** Địa hình chủ yếu của Tây Nam Á là
 A. núi và cao nguyên. B. đồng bằng.
 C. đồng bằng và bán bình nguyên. D. đồi núi.
- Câu 61:** Khí hậu chủ yếu của Tây Nam Á là
 A. Khí hậu gió mùa. B. Khí hậu hải dương. C. Khí hậu lục địa. D. Khí hậu xích đạo.
- Câu 62:** Tài nguyên quan trọng nhất của khu vực là
 A. Than đá. B. Vàng. C. Kim cương. D. Dầu mỏ.
- Câu 63:** Phần lớn dân cư Tây Nam Á theo tôn giáo nào?
 A. Hồi giáo. B. Ki-tô giáo. C. Phật giáo. D. Ấn Độ giáo.
- Câu 64:** Ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất ở Tây Nam Á?
 A. Khai thác và chế biến than đá. B. Công nghiệp khai thác và chế biến dầu mỏ.
 C. Công nghiệp điện tử-tin học. D. Công nghiệp nguyên tử, hàng không vũ trụ.
- Câu 65:** Đặc điểm chính trị của khu vực Tây Nam Á:
 A. Tình hình chính trị rất ổn định.
 B. Các nước có nền chính trị hòa bình, hợp tác nhiều mặt.
 C. Chính trị bất ổn, nhiều cuộc tranh chấp xảy ra.
 D. Hầu hết các nước vẫn là thuộc địa.
- Câu 66:** Đây không phải là nguyên nhân chủ yếu làm cho tình hình chính trị- xã hội Tây Nam Á bất ổn:
 A. Vị trí chiến lược quan trọng. B. Nguồn tài nguyên giàu có.
 C. Sự can thiệp của các thế lực bên ngoài. D. Sự chênh lệch về khoảng cách giàu nghèo.

Bài 10,11: KHU VỰC NAM. A.

Câu 1: Khu vực Nam Á được chia thành bao nhiêu miền địa hình khác nhau?

- A. 2 miền. B. 3 miền. C. 4 miền. D. 5 miền.

- Câu 67:** Ranh giới giữa Nam Á và Trung Á là dãy núi:
 A. Gát Tây. B. Gát Đông. C. Hy-ma-lay-a. D. Cap-ca.
- Câu 68:** Khu vực Nam Á chủ yếu có khí hậu
 A. cận nhiệt đới. B. nhiệt đới khô. C. xích đạo. D. nhiệt đới gió mùa.
- Câu 69:** Quốc gia hứng chịu nhiều thiên tai nhất tại khu vực Nam Á là:
 A. Man-đi-vơ. B. Xri-lan-ca. C. Ấn Độ. D. Băng-la-đét.
- Câu 70:** Loại gió nào ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống sinh hoạt và sản xuất khu vực Nam Á?
 A. Tín phong Đông Bắc. B. Gió mùa. C. Gió Đông Nam. D. Gió Tây ôn đới.

- Câu 71:** Nam Á không tiếp giáp với khu vực nào của châu Á?
A. Đông Nam. **Á.** **B.** Trung. **Á.** **C.** Tây Nam.
Á. **D.** Bắc. **Á.**
- Câu 72:** Nam Á tiếp giáp với đại dương nào?
A. Thái Bình Dương. **B.** Ấn Độ Dương. **C.** Bắc Băng Dương. **D.** Đại Tây Dương.
- Câu 73:** Ở giữa của Nam Á là miền địa hình:
A. Hệ thống dãy Hi-ma-lay-a. **B.** Sơn nguyên Đê-can.
C. Dãy Gác Đông và Gác Tây. **D.** Đồng bằng Ấn-Hằng.
- Câu 74:** Phía bắc của Nam Á là miền địa hình:
A. Hệ thống dãy Hi-ma-lay-a. **B.** Sơn nguyên Đê-can.
C. Dãy Gác Đông và Gác Tây. **D.** Đồng bằng Ấn-Hằng.
- Câu 75:** Gió mùa mùa đông ở khu vực Nam Á có hướng:
A. Tây Bắc. **B.** Đông Bắc. **C.** Tây Nam. **D.** Đông Nam.
- Câu 76:** Gió mùa mùa hạ ở khu vực Nam Á có hướng:
A. Tây Bắc. **B.** Đông Bắc. **C.** Tây Nam. **D.** Đông Nam.
- Câu 77:** Nhân tố ảnh hưởng rõ rệt nhất đến sự phân hoá khí hậu của Nam Á là
A. vĩ độ. **B.** gió mùa. **C.** địa hình. **D.** kinh độ.
- Câu 78:** các hệ thống sông lớn nào sau đây thuộc khu vực Nam Á?
A. sông Ấn, sông Hằng, sông Mê-Công. **B.** sông Ấn, sông Hằng, sông Ô-phrát.
C. sông Ấn, sông Hằng, sông Trường Giang. **D.** sông Ấn, sông Hằng, sông Bra-ma-pút.
- Câu 79:** Nam Á là khu vực đông dân thứ mấy của châu Á
A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.
- Câu 80:** Dân cư Nam Á chủ yếu theo tôn giáo nào?
A. Ấn Độ giáo và Hồi giáo. **B.** Ấn Độ giáo và Ki-tô-giáo.
C. Ấn Độ giáo và Phật giáo. **D.** Phật giáo và Hồi giáo.
- Câu 81:** Nguyên nhân làm cho tình hình chính trị- xã hội trong khu vực Nam Á thiếu ổn định không phải là
A. Do bị đế quốc đô hộ kéo dài. **B.** Xảy ra mâu thuẫn xung đột giữa các dân tộc.
C. Xảy ra mâu thuẫn xung đột giữa các tôn giáo. **D.** Do các thế lực nước ngoài can thiệp.
- Câu 82:** Quốc gia phát triển nhất Nam Á là
A. Ấn Độ. **B.** Nê-pan. **C.** Băng-la-det. **D.** Pa-kit-tan.
- Câu 83:** Hoạt động kinh tế chủ yếu của hầu hết các nước trong khu vực Nam Á là
A. Dịch vụ. **B.** Công nghiệp. **C.** Nông nghiệp. **D.** Khai thác dầu mỏ.
- Câu 84:** Ngày nay, về giá trị sản lượng công nghiệp, Ấn Độ đứng thứ mấy trên thế giới
A. 7. **B.** 8. **C.** 9. **D.** 10.
- Câu 85:** Nam Á có bao nhiêu quốc gia?
A. 7. **B.** 8. **C.** 9. **D.** 10.
- Bài 12,13: KHU VỰC ĐÔNG. Á.**
- Câu 86:** Những nước nào sau đây không nằm trong vùng lãnh thổ Đông Á?
A. Trung Quốc, Nhật Bản. **B.** Hàn Quốc, Triều Tiên.

C. Việt Nam. Mông Cổ. D. Đài Loan, I- Ran.

- Câu 87:** Khí hậu chủ yếu của phía Tây khu vực Đông Á là
 A. nhiệt đới. B. ôn đới. C. cận nhiệt lục địa. D. nhiệt đới gió mùa.
- Câu 88:** Cảnh quan ở phần phía Tây khu vực Đông Á không phải là
 A. thảo nguyên khô. B. hoang mạc. C. bán hoang mạc. D. rừng rậm nhiệt đới ẩm.
- Câu 89:** Đông Á bao gồm mấy bộ phận?
 A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.
- Câu 90:** Đông Á tiếp giáp với đại dương nào?
 A. Bắc Băng Dương. B. Ấn Độ Dương. C. Thái Bình Dương. D. Đại Tây Dương.
- Câu 91:** Hệ thống núi, sơn nguyên cao hiểm trở và các bồn địa rộng phân bố ở khu vực nào thuộc phần đất liền của Đông Á?
 A. Phía tây Trung Quốc. B. Phía đông Trung Quốc.
 C. Bán đảo Triều Tiên. D. Toàn bộ lãnh thổ phần đất liền.
- Câu 92:** Phần phía đông đất liền và phần hải đảo của Đông Á chủ yếu nằm trong kiểu khí hậu nào?
 A. Khí hậu gió mùa. B. Khí hậu cận nhiệt địa trung hải.
 C. Khí hậu lục địa. D. Khí hậu núi cao.
- Câu 93:** Con sông nào là ranh giới tự nhiên giữa Trung Quốc và Nga?
 A. Sông Án. B. Trường Giang. C. A Mua. D. Hoàng Hà.
- Câu 94:** Con sông nào dài nhất khu vực Đông Á?
 A. Sông Án. B. Trường Giang. C. A Mua. D. Hoàng Hà.
- Câu 95:** Quốc gia nào ở Đông Á thường xuyên xảy ra các thiên tai như động đất, núi lửa, sóng thần?
 A. Hàn Quốc. B. Trung Quốc. C. Nhật Bản. D. Triều Tiên.
- Câu 96:** Ở khu vực Đông Á nước nào có giá trị xuất khẩu lớn hơn giá trị nhập khẩu?
 A. Hàn Quốc. B. Nhật Bản. C. Trung Quốc. D. Đài Loan.
- Câu 97:** Nước nào sau đây có nền công nghiệp phát triển ở trình độ cao?
 A. Hàn Quốc. B. Nhật Bản. C. Trung Quốc. D. Đài Loan.
- Câu 98:** Đông Á là khu vực đông dân thứ mấy của châu Á?
 A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.
- Câu 99:** Quốc gia nào có số dân đông nhất ở khu vực Đông Á?
 A. Nhật Bản. B. Trung Quốc. C. Hàn Quốc. D. Triều Tiên.
- Câu 100:** Đặc điểm nào sau đây *không* phải là đặc điểm phát triển kinh tế của các quốc gia và vùng lãnh thổ Đông Á?
 A. Phát triển nhanh và duy trì tốc độ tăng trưởng cao.
 B. Quá trình phát triển từ sản xuất thay thế hàng nhập khẩu đến sản xuất để xuất khẩu.
 C. Có nền kinh tế đang phát triển, sản xuất nông nghiệp vẫn là chủ yếu.
 D. Các nước phát triển mạnh: Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc.
- Câu 101:** Nhật Bản là cường quốc kinh tế đứng thứ bao nhiêu trên thế giới?
 A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.
- Câu 102:** Các ngành công nghiệp mũi nhọn của Nhật Bản không phải là

- A. Công nghiệp chế tạo ô tô, tàu biển.
- B. Công nghiệp điện tử: chế tạo các thiết bị điện tử, người máy công nghiệp.
- C. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: đồng hồ, máy ảnh, xe máy, máy giặt,....
- D. Nông nghiệp công nghệ cao.

Câu 103: Ngành công nào *không phải* ngành công nghiệp mũi nhọn của Nhật Bản?

- A. Công nghiệp khai khoáng.
- B. Công nghiệp điện tử: chế tạo các thiết bị điện tử, người máy công nghiệp.
- C. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: đồng hồ, máy ảnh, xe máy, máy giặt,....
- D. Công nghiệp chế tạo ô tô, tàu biển.

Câu 104: Ngành công nghiệp mũi nhọn của Nhật Bản là

- A. Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.
- B. Công nghiệp điện tử: thiết bị điện tử, người máy công nghiệp.
- C. Công nghiệp dệt may.
- D. Công nghiệp khai khoáng.

Câu 105: Thành tựu quan trọng mà nền kinh tế Trung Quốc đã đạt trong những năm qua là

- A. Nền nông nghiệp phát triển chậm và còn tương đối lạc hậu.
- B. Chỉ có một số ngành kinh tế hiện đại, còn lại không đáng kể.
- C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, nhiều ngành đứng đầu thế giới.
- D. Ngành công nghiệp còn lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào nước ngoài.

Bài 14,15,16,17,18: KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Câu 1: Khu vực Đông Nam Á là cầu nối giữa:

- A. Châu Á – Châu Âu. B Châu Á – Châu Đại Dương.
- C. Châu Á – Châu Phi. D. Châu Á – Châu Mỹ.

Câu 106: Đảo lớn nhất khu vực Đông Nam Á và lớn thứ ba thế giới là:

- A. Xu-ma-tơ-ra. B. Ca-li-man-tan. C. Gia-va. D. Xu-la-vê-di.

Câu 107: Sông nào sau đây không thuộc hệ thống sông ngòi Đông Nam Á?

- A. Sông Hồng. B. Sông Mê Kông. C. Sông Mê Nam. D. Sông Trường Giang.

Câu 108: Phần đất liền Đông Nam Á có tên là

- A. bán đảo Ấn Độ. B. Đông Dương. C. bán đảo Trung Ấn. D. Mã-lai.

Câu 109: Đông Nam Á là cầu nối giữa hai đại dương nào?

- A. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. B. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.
- C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. D. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

Câu 110: Các dãy núi ở bán đảo Trung Ấn có hướng chủ yếu là:

- A. bắc- nam và tây bắc-đông nam. B. tây-đông và bắc- nam.
- C. tây – đông hoặc gần tây-đông. D. bắc- nam hoặc gần bắc-nam.

Câu 111: Phần hải đảo của Đông Nam Á thường xuyên xảy ra những thiên tai nào?

- A. Bão tuyết. B. Động đất, núi lửa. C. Sạt lở núi. D. Hạn hán kéo dài.

Câu 112: Khu vực Đông Nam Á chủ yếu nằm trong kiểu khí hậu nào?

- A. Khí hậu gió mùa. B. Khí hậu cận nhiệt địa trung hải.
- C. Khí hậu lục địa. D. Khí hậu núi cao.

- Câu 113:** Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho các nước Đông Nam Á không bị khô hạn như những vùng có cùng vĩ độ ở châu Phi và Tây Nam Á?
A. địa hình. **B.** gió mùa. **C.** giáp biển. **D.** dòng biển.
- Câu 114:** Cảnh quan chủ yếu của khu vực Đông Nam Á là
A. rừng nhiệt đới ẩm thường xanh. **B.** rừng là kim.
C. xavan cây bụi. **D.** hoang mạc và bán hoang mạc.
- Câu 115:** Quốc gia nào ở Đông Nam Á có lãnh thổ vừa thuộc đất liền vừa thuộc đảo?
A. Thái Lan. **B.** Ma-lai-xi-a. **C.** In-đô-nê-xi-a. **D.** Lào.
- Câu 116:** Quốc gia có diện tích nhỏ nhất ở Đông Nam Á là
A. Bru-nây. **B.** Đông Ti-mo. **C.** Xin-ga-po. **D.** Cam-pu-chia.
- Câu 117:** Khu vực Đông Nam Á bao gồm bao nhiêu quốc gia?
A. 9. **B.** 10. **C.** 11. **D.** 12.
- Câu 118:** Những nét tương đồng về kinh tế- xã hội của khu vực Đông Nam Á *không phải* là:
A. Có nền văn minh lúa nước. **B.** Có cùng lịch sử đấu tranh giành độc lập.
C. Cùng tập quán sinh hoạt và sản xuất. **D.** Có nền kinh tế phát triển trình độ cao.
- Câu 119:** Đây *không phải* là yếu tố thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế - của các quốc gia thuộc khu vực Đông Nam. **A.**
A. Đông dân. **B.** Nguồn lao động dồi dào.
C. Thị trường tiêu thụ lớn. **D.** Có khoa học công nghệ hiện đại.
- Câu 120:** Chủng tộc chủ yếu ở Đông Nam Á là:
A. Ô-rô-pê-ô-it. **B.** Môn-gô-lô-it. **C.** Ô-xtra-lô-it. **D.** Môn-gô-lô-it và Ô-xtra-lô-it.
- Câu 121:** Cơ cấu dân số chủ yếu ở các nước Đông Nam Á là
A. Cơ cấu dân số trẻ. **B.** Cơ cấu dân số già.
C. Cơ cấu dân số đang già hoá. **D.** Cơ cấu dân số ổn định.
- Câu 122:** Quốc gia duy nhất không giáp biển ở Đông Nam Á là
A. Thái Lan. **B.** Cam-pu-chia. **C.** Việt Nam. **D.** Lào.
- Câu 123:** Nền kinh tế các nước Đông Nam Á hiện nay phát triển nhanh nhưng chưa vững chắc *không phải* do
A. các cuộc khủng hoảng kinh tế. **B.** chưa quan tâm nhiều đến môi trường.
C. dân đông, nông nghiệp vẫn là ngành chính. **D.** bị các cường quốc đô hộ.
- Câu 124:** Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập vào thời gian nào?
A. 1964. **B.** 1965. **C.** 1966. **D.** 1967.
- Câu 125:** Nước nào sau đây không nằm trong 5 nước đầu tiên gia nhập Hiệp hội?
A. Thái Lan. **B.** In-đô-nê-xi-a. **C.** Bru-nây. **D.** Xin-ga-po.
- Câu 126:** Cho tới hiện nay, quốc gia nào thuộc khu vực Đông Nam Á chưa gia nhập tổ chức ASEAN?
A. Bru-nây. **B.** Mi-an-ma. **C.** Đông-ti-mo. **D.** Cam-pu-chia.
- Câu 127:** Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm nào?
A. 1995. **B.** 1996. **C.** 1997. **D.** 1998.
- Câu 128:** Hiện nay có bao nhiêu quốc gia trong khu vực Đông Nam Á tham gia vào tổ chức ASEAN?
A. 9. **B.** 10. **C.** 11. **D.** 12.

Câu 129: Đây *không phải* là mục tiêu chung của tổ chức ASEAN?

- A. Giữ vững hòa bình, an ninh, ổn định khu vực. **B.** Xây dựng một cộng đồng hòa hợp.
C. Cùng nhau phát triển kinh tế - xã hội. **D.** Tự do lưu thông về mọi mặt.

Câu 130: Tam giác tăng trưởng kinh tế XI-GIÔ-RI là hợp tác của 3 quốc gia nào?

- A. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia. **B.** Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a.
C. Thái Lan, Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a. **D.** Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan.

Câu 131: Sự hợp tác để phát triển kinh tế - xã hội của các nước ASEAN được biểu hiện qua. **A.** Sử dụng đồng tiền chung trong khu vực. **B.** Hình thành một thị trường chung thống nhất.
C. Tự do lưu thông trong khu vực. **D.** Tăng cường trao đổi hàng hóa giữa các nước.

Bài 22: VIỆT NAM – ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI.

Câu 1: Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ không bao gồm?

- A. Đất liền và hải đảo. **B.** Vùng biển. **C.** Vùng trời. **D.** Vùng đảo.

Câu 132: Phần đất liền của Việt Nam không tiếp giáp quốc gia nào sau đây?

- A. Thái Lan. **B.** Trung Quốc. **C.** Lào. **D.** Cam-pu-chia.

Câu 133: Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước ta bắt đầu vào năm nào?

- A. 1945. **B.** 1975. **C.** 1986. **D.** 2000.

Câu 134: Mục tiêu chiến lược 20 năm 2001-2020 của nước ta:

- A. Đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.
B. Đến năm 2020 nước ta phải đảm bảo an ninh lương thực cho nhân dân.
C. Đến năm 2020 nước ta phải phát triển các ngành công nghiệp hiện đại: nguyên tử, hàng không vũ trụ....
D. Đến năm 2020, đưa nước ta thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu.

Câu 135: Thành tựu nào *không đúng* trong sản xuất nông nghiệp mà Việt Nam đạt được sau công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế?

- A. Sản xuất nông nghiệp liên tục phát triển.
B. Sản lượng lương thực tăng cao, đảm bảo vững chắc vấn đề an ninh lương thực.
C. Nước ta có nền nông nghiệp hiện đại, đứng thứ 2 trên thế giới.
D. Nước ta có một số nông sản xuất khẩu chủ lực như: gạo, cà phê, cao su, hải sản...

BÀI 23: VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG LÃNH THỔ VIỆT NAM.

Câu 136: Phần đất liền của Việt Nam kéo dài trên bao nhiêu vĩ tuyến?

- A. 11. **B.** 13. **C.** 15. **D.** 17.

Câu 137: Đặc điểm nào *không phải* là đặc điểm nổi bật của tự nhiên Việt Nam?

- A. Nội chí tuyến, gần trung tâm khu vực Đông Nam. **A.**
B. Cầu nối giữa Đông Nam Á đất liền và hải đảo.
C. Vị trí tiếp xúc giữa các luồng gió mùa và sinh vật.
D. Nằm ở trung tâm lục địa Á- Âu.

Câu 138: Vùng biển Việt Nam rộng khoảng 1 triệu km² là

- A. Biển Đông. **B.** một bộ phận của biển Đông.
C. một bộ phận của vịnh Thái Lan. **D.** một bộ phận của Ấn Độ Dương.

Câu 139: Trên đất liền, điểm cực Bắc của nước ta ở vĩ độ:

A. 23⁰26'B. B. 23⁰25'B. C. 23⁰24'B. D. 23⁰23'B.

Câu 140: Trên đất liền, điểm cực Nam của nước ta ở vĩ độ:

A. 8⁰38'B. B. 8⁰34'B. C. 8⁰36'B. D. 8⁰35'B.

Câu 141: Việt Nam nằm trong múi giờ số mấy?

A. 6. B. 7. C. 8. D. 9.

Câu 142: Tổng diện tích vùng đất liền của nước ta là

A. 331 211 km². B. 331 212 km². C. 331 213 km². D. 331 214 km².

Câu 143: Dựa vào Atlas Việt Nam trang 23, cửa khẩu nào sau đây nằm trên biên giới Việt Nam - Lào?

A. Móng Cái. B. Lao Bảo. C. Hữu Nghị. D. Đồng Đăng.

Câu 144: Dựa vào Atlas Việt Nam trang 23, cửa khẩu nào sau đây nằm trên đường biên giới Việt - Trung?

A. Cầu Treo. B. Vĩnh Xương. C. Lào Cai. D. Mộc Bài.

Câu 145: Đường bờ biển nước ta dài bao nhiêu kilômét?

A. 3290 km. B. 3280 km. C. 3270 km. D. 3260 km.

Câu 146: Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ

A. Móng Cái đến Vũng Tàu. B. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau.
C. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên. D. Móng Cái đến Hà Tiên.

Câu 147: Điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây phần đất liền nước ta thuộc các tỉnh:

A. Hà Giang, Cà Mau, Điện Biên, Ninh Thuận. B. Hà Giang, Cà Mau, Lai Châu, Khánh Hòa.
C. Hà Giang, Cà Mau, Khánh Hòa, Điện Biên. D. Cao Bằng, Kiên Giang, Lai Châu, Khánh Hòa.

Câu 148: Đặc điểm nào sau đây không đúng với lãnh thổ nước ta?

A. Nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới nửa cầu Bắc. B. Nằm trọn trong múi giờ số 8.
C. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. D. Nằm trong vùng chịu ảnh hưởng của gió Tín phong.

Câu 149: Ý nào sau đây không đúng với đặc điểm lãnh thổ nước ta?

A. Diện tích vùng đất liền là 331 212 km². B. Đường biên giới trên đất liền dài 5400 km.
C. Đường bờ biển dài 3260 km. D. Có hơn 3000 hòn đảo lớn nhỏ.

Bài 24. VÙNG BIỂN VIỆT NAM.

Câu 150: Biển Đông là một bộ phận của Thái Bình Dương và

A. là một biển rất lớn. B. thường đóng băng trong mùa đông.
C. nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa. D. là biển khép kín.

Câu 151: Biển Đông thuộc đại dương nào?

A. Thái Bình Dương. B. Đại Tây Dương. C. Ấn Độ Dương. D. Bắc Băng Dương.

Câu 152: Khí hậu của biển Đông *không có* đặc điểm nào sau đây?

A. Có hai mùa gió: Đông Bắc và Tây Nam. B. Nóng quanh năm.
C. Biên độ nhiệt nhỏ, mưa ít hơn trong đất liền. D. Đóng băng vào mùa đông.

Câu 153: Chế độ hải văn của Biển Đông thay đổi

A. theo mùa. B. theo vĩ độ. C. theo độ sâu. D. theo độ muối.

Câu 154: Nước ta có bao nhiêu tỉnh thành giáp biển

Bài 26. ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM.

- Câu 169:** Nhận định nào sau đây không đúng với đặc điểm khoáng sản Việt Nam?
A. Trữ lượng vừa và nhỏ. **B.** Giàu điểm quặng.
C. Giàu chủng loại. **D.** Phân bố tập trung.
- Câu 170:** Phần lớn các mỏ khoáng sản nước ta có trữ lượng
A. nhỏ. **B.** vừa và nhỏ. **C.** lớn. **D.** rất lớn.
- Câu 171:** Dựa vào Atlas Việt Nam trang 8, thêm lục địa phía nam nơi tập trung nhiều loại khoáng sản nào?
A. Than đá. **B.** Than bùn. **C.** Dầu khí. **D.** Crôm.
- Câu 172:** Dựa vào Atlas trang 26, cho biết các mỏ than đá chủ yếu tập trung ở khu vực nào của nước ta?
A. Đồng bằng Sông Hồng. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Tây Nguyên. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Câu 173:** Vì sao chúng ta phải khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên khoáng sản?
A. Vì khoáng sản là vô tận. **B.** Một số loại đã bị cạn kiệt.
C. Khai thác và sử dụng còn lãng phí. **D.** Vì sự phát triển bền vững trong tương lai.
- Câu 174:** Dựa vào Atlas trang 28, cho biết Bôxít phân bố chủ yếu ở vùng nào?
A. Tây Bắc. **B.** Tây Nguyên. **C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Câu 175:** Tại sao cần sử dụng tài nguyên khoáng sản một cách hợp lý, tiết kiệm?
A. vì tài nguyên khoáng sản là vô tận. **B.** vì là tài nguyên có thể tái tạo được.
C. vì là tài nguyên không thể phục hồi. **D.** là tài nguyên không cần cần thiết.
- Câu 176:** Một số mỏ khoáng sản có trữ lượng lớn ở Việt Nam là
A. vàng, kim cương, dầu mỏ. **B.** dầu khí, than, sắt, uranium.
C. than, dầu khí, apatit, đá vôi. **D.** đất hiếm, sắt, than, đồng.

Bài 27. ĐỌC BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH VÀ KHOÁNG SẢN.

- Câu 177:** Cho biết nhận định sau đây nói về điểm cực nào của tổ quốc? “ Lá cờ tổ quốc tung bay trên đỉnh ngọn núi rồng: Lũng Cú – Đồng Văn – Hà Giang”.
A. Cực Bắc. **B.** Cực Tây. **C.** Cực Nam. **D.** Cực Đông.
- Câu 178:** Cho biết nhận định sau đây nói về điểm cực nào của tổ quốc? “ Rừng ngập mặn quanh năm xanh tốt, nơi cư trú của rất nhiều loài sinh vật ven biển”.
A. Cực Bắc. **B.** Cực Tây. **C.** Cực Nam. **D.** Cực Đông.
- Câu 179:** Cho biết nhận định sau đây nói về điểm cực nào của tổ quốc? “ Nơi có vịnh Vân Phong, một trong những vịnh biển đẹp nhất Việt Nam”.
A. Cực Bắc. **B.** Cực Tây. **C.** Cực Nam. **D.** Cực Đông.
- Câu 180:** Cho biết nhận định sau đây nói về điểm cực nào của tổ quốc? “ Nơi có ngọn núi Khoan La San, ngã ba biên giới Việt – Trung – Lào, nơi một tiếng gà gáy cả ba nước đều nghe”.
A. Cực Bắc. **B.** Cực Tây. **C.** Cực Nam. **D.** Cực Đông.
- Câu 181:** Trên bản đồ hành chính Việt Nam có bao nhiêu tỉnh thành ven biển?
A. 27. **B.** 28. **C.** 29. **D.** 30.
- Câu 182:** Cho biết tỉnh thành nào sau đây vừa giáp biển vừa giáp Trung Quốc?
A. Đà Nẵng. **B.** Hà Giang.

C. Quảng Ninh. D. Thừa Thiên Huế.

Câu 183: Khung hệ tọa độ địa lí của nước ta có điểm cực Bắc ở vĩ độ:

A. 23°23'B. B. 23°24'B. C. 23°25'B. D. 23°26'B.

Câu 184: Khung hệ tọa độ địa lí của nước ta có điểm cực Nam ở vĩ độ:

A. 8°34'B. B. 8°36'B. C. 8°37'B. D. 8°38'B

Bài 28,29,30: ĐỊA HÌNH VIỆT NAM.

Câu 185: Bộ phận nổi bật, quan trọng nhất trong cấu trúc địa hình Việt Nam là:

A. đồng bằng. B. đồi núi. C. bờ biển. D. thềm lục địa.

Câu 186: Trên đất liền, đồng bằng chiếm khoảng bao nhiêu phần diện tích lãnh thổ?

A. 1/4 diện tích lãnh thổ. B. 2/3 diện tích lãnh thổ.
C. 3/4 diện tích lãnh thổ. D. 1/2 diện tích lãnh thổ.

Câu 187: Phanxipăng – đỉnh núi cao nhất Việt Nam thuộc dãy núi nào?

A. Trường Sơn Bắc. B. Trường Sơn Nam. C. Hoàng Liên Sơn. D. Hoàng Sơn.

Câu 188: Khu vực đồng bằng *không bị* chia cắt do đồi núi là:

A. đồng bằng ở vùng TDMN Bắc Bộ. B. đồng bằng Sông Cửu Long.
C. đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ. D. đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ.

Câu 189: Vùng núi có địa hình cao nhất Việt Nam là

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 190: Trong các đồng bằng ở nước ta, đồng bằng có diện tích lớn nhất là

A. đồng bằng Sông Hồng. B. đồng bằng Sông Cửu Long.
C. đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ. D. đồng bằng ở Tây Nguyên.

Câu 191: So với diện tích đất đai của nước ta, địa hình đồi núi chiếm bao nhiêu diện tích?

A. 5/6. B. 4/5. C. 3/4. D. 2/3.

Câu 192: Trong diện tích đồi núi, địa hình đồi núi thấp chiếm (%):

A. 40. B. 50. C. 65. D. 85.

Câu 193: Tây Bắc – Đông Nam là hướng chính của:

A. Dãy núi vùng Tây Bắc. B. Dãy núi vùng Đông Bắc.
C. Vùng núi Trường Sơn Nam. D. Câu A + C đúng.

Câu 194: Hướng vòng cung là hướng chính của:

A. Vùng núi Đông Bắc. B. Các hệ thống sông lớn.
C. Dãy Hoàng Liên sơn. D. Vùng núi Bắc Trường Sơn.

Câu 195: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ rõ rệt địa hình núi Việt Nam đa dạng?

A. Miền núi có các cao nguyên badan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.
B. Bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ, ở miền núi có nhiều núi thấp.
C. Bên cạnh núi, miền núi còn có đồi.
D. Miền núi có núi cao, núi trung bình, núi thấp, cao nguyên, sơn nguyên.

Câu 196: Dựa vào Atlat trang 13, nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là:

A. Có địa hình cao nhất nước ta.
B. Có các dãy núi lớn chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.
C. Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

D. Gồm các dãy núi song song và so le hướng Tây Bắc – Đông Nam.

Câu 197: Dựa vào Atlas trang 13, nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là:

- A.** gồm các khối núi và cao nguyên. **B.** có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.
C. có bốn cánh cung núi lớn. **D.** địa hình thấp và hẹp ngang.

Câu 198: Dựa vào Atlas trang 13, đỉnh núi cao nhất Việt Nam là:

- A.** Tây Côn Lĩnh. **B.** Phanxipăng. **C.** Ngọc Linh. **D.** Bạch Mã.

Câu 199: Dựa vào Atlas trang 13+ 14, vùng núi có các thung lũng sông lớn cùng hướng Tây Bắc – Đông Nam điển hình là:

- A.** Đông Bắc. **B.** Trường Sơn Nam.
C. Trường Sơn Bắc. **D.** Tây Bắc.

Câu 200: Dựa vào Atlas trang 13, đỉnh phanxipăng cao bao nhiêu (m)?

- A.** 3 143 m. **B.** 3 134 m. **C.** 3 144 m. **D.** 3 343 m.

Câu 201: Đặc điểm chung của vùng đồi núi Trường Sơn Bắc là:

- A.** Có các cánh cung núi lớn mở ra về phía Bắc và Đông.
B. Địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi lớn, hướng tây bắc – đông nam.
C. Gồm các dãy núi thấp và có hai sườn không đối xứng nhau.
D. Gồm các khối núi và các cao nguyên xếp tầng, đất đỏ badan.

Câu 202: Đồng bằng sông Hồng giống Đồng bằng sông Cửu Long ở điểm nào?

- A.** Do phù sa sông ngòi bồi tụ tạo nên. **B.** Có nhiều sông ngòi, kênh rạch.
C. Diện tích 40 000 km². **D.** Có hệ thống đê sông và đê biển.

Câu 203: Điểm khác biệt chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng so với Đồng bằng sông Cửu Long là

- A.** Diện tích rộng hơn Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Hệ thống đê điều chia đồng bằng thành nhiều ô.
C. Hệ thống kênh rạch chằng chịt.
D. Thủy triều xâm nhập sâu vào đồng bằng về mùa cạn.

Câu 204: Đặc điểm nào sau đây *không phải* của dải đồng bằng ven biển miền Trung?

- A.** Hẹp ngang.
B. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
C. Chỉ có một số đồng bằng được mở rộng ở các cửa sông lớn.
D. Được hình thành do các sông lớn bồi đắp.

Câu 205: Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm:

- A.** Rộng 15 000 km². **B.** Bị chia cắt nhiều bởi các đê ven sông.
C. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt. **D.** Có các bậc ruộng cao bạc màu.

Câu 206: Khó khăn chủ yếu của vùng đồi núi là:

- A.** Động đất, bão và lũ lụt. **B.** Lũ quét, sạt lở, xói mòn.
C. Bão nhiệt đới, mưa kèm lốc xoáy. **D.** Mưa giông, hạn hán, cát bay.

Câu 207: Dựa vào Atlas trang 28, xác định các cao nguyên thuộc vùng núi Trường Sơn Nam theo thứ tự từ Bắc xuống Nam là

- A.** CN Kon Tum, CN Di Linh, CN Đăk-lăk, CN Lâm Viên.
B. CN Plei-ku, CN Di Linh, CN Mơ-nông, CN Lâm Viên.
C. CN Lâm Viên CN Kon Tum,, CN Đăk-lăk,CN Di Linh.
D. CN Kon Tum, CN Plei-ku, CN Đăk-lăk, CN Lâm Viên.

- Câu 208:** Dạng địa hình nào sau đây *không phải là* địa hình nhân tạo?
A. Đê, đập. **B.** Kênh, rạch. **C.** Hồ thủy điện. **D.** Đồi núi.
- Câu 209:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết tên 4 cánh cung của vùng núi Đông Bắc theo thứ tự từ Đông sang Tây
A. Đông Triều, Trường Sơn Nam, Ngân Sơn, Bắc Sơn.
B. Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.
C. Sông Gâm, Ngân Sơn, Hoàng Sơn, Trường Sơn Bắc.
D. Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm.
- Câu 210:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết cao nguyên nào sau đây không thuộc vùng núi Tây Bắc?
A. Sơn La. **B.** Tà Phình. **C.** Mộc Châu. **D.** Hòa Phan.
- Câu 211:** Đồng bằng sông Hồng được bồi tụ do phù sa của hệ thống sông nào?
A. Sông Tiền – Sông Hậu. **B.** Sông Hồng và Sông Đà.
C. Sông Hồng – Sông Thái Bình. **D.** Sông Đà và Sông Lô.
- Câu 212:** Đồng bằng có diện tích đất phèn, đất mặn chiếm 2/3 diện tích vùng là
A. Đồng bằng sông Hồng. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng duyên hải Miền Trung. **D.** Đồng bằng Tuy Hòa.
- Câu 213:** Đồng bằng sông Cửu Long được bồi tụ do phù sa của hệ thống sông nào?
A. Sông Tiền – Sông Hậu. **B.** Sông Hồng và Sông Đà.
C. Sông Hồng – Sông Thái Bình. **D.** Sông Đà và Sông Lô.
- Câu 214:** Một trong những hạn chế của khu vực đồng bằng là
A. gây khó khăn cho việc đi lại và phát triển giao thông.
B. chịu ảnh hưởng của thiên tai xói mòn, lũ quét....
C. đóng băng, trượt lở đất, giá rét, sương muối....
D. nhiều thiên tai như bão, lụt, xâm nhập mặn...

Bài 31. ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VIỆT NAM.

- Câu 215:** Nhiệt độ trung bình hằng năm của Việt Nam là
A. 21⁰C. **B.** 18-22⁰C. **C.** 22-27⁰C. **D.** trên 25⁰C.
- Câu 216:** Nước ta có đặc điểm khí hậu mang tính chất:
A. nhiệt đới hải dương. **B.** nhiệt đới gió mùa.
C. nhiệt đới gió mùa ẩm. **D.** nhiệt đới lục địa.
- Câu 217:** Khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới thể hiện:
A. nhiệt độ trung bình năm dưới 20⁰C. **B.** nhiệt độ trung bình năm trên 21⁰C.
C. nhiệt độ trung bình năm 18-22⁰C. **D.** nhiệt độ trung bình năm trên 25⁰C.
- Câu 218:** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta thể hiện rõ
A. tổng số giờ nắng 1400-3000 giờ/năm. **B.** tổng số giờ nắng 3000 giờ/năm.
C. tổng số giờ nắng 1400 giờ/năm. **D.** tổng số giờ nắng >4000giờ/năm.
- Câu 219:** Lượng mưa trung bình năm của nước ta là
A. 1500-2000mm. **B.** 2000-2500mm. **C.** 3000-3500mm. **D.** 3500-4000mm.
- Câu 220:** Khí hậu nước ta có tính chất ẩm cao thể hiện ở
A. lượng mưa trung bình từ 1500-2000mm, độ ẩm không khí dưới 80%.
B. lượng mưa trung bình từ 1500-2000mm, độ ẩm không khí trên 80%.

- Câu 233:** Khu vực có khí hậu xích đạo, nóng quanh năm, có 2 mùa tương phản sâu sắc là miền
A. Bắc Bộ. **B.** Trung Bộ. **C.** Tây Nguyên. **D.** Nam Bộ.
- Câu 234:** Miền có thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, biến đổi nhanh chóng là
A. núi cao. **B.** đồng bằng. **C.** cao nguyên. **D.** hải đảo.
- Câu 235:** Vào mùa gió Tây Nam, loại gió Phơn khô nóng ảnh hưởng mạnh đến khu vực nào?
A. Miền núi phía Bắc. **B.** Bắc Trung Bộ.
C. Nam Trung Bộ. **D.** Tây Nguyên.
- Câu 236:** Tại sao gió Đông Bắc thổi vào miền Nam không quá lạnh và khô như miền Bắc?
A. Xa trung tâm gió mùa. **B.** Bị núi ngăn cản.
C. nhiệt độ cao hơn. **D.** ảnh hưởng của biển.
- Câu 237:** Mùa bão ở miền Nam so với miền Bắc và miền Trung thường xảy ra
A. sớm hơn. **B.** muộn hơn. **C.** cùng thời gian. **D.** không có mưa bão.
- Câu 238:** Căn cứ vào Atlas trang 9, cho biết bão lớn nhất vào tháng mấy?
A. 6. **B.** 7. **C.** 8. **D.** 9.
- Câu 239:** Nhiệt độ trung bình năm ở nước ta có đặc điểm
A. giảm dần từ bắc vào Nam. **B.** tăng dần từ Bắc vào Nam.
C. tăng dần từ Nam ra Bắc. **D.** miền Trung cao nhất.

Bài 33. ĐẶC ĐIỂM SÔNG NGÒI VIỆT NAM.

- Câu 240:** Sông ngòi nước ta *không có* đặc điểm nào sau đây?
A. Dày đặc. **B.** Phân bố rộng khắp. **C.** chỉ có 1 sông lớn. **D.** Rất ít sông ngòi.
- Câu 241:** Hướng chảy chính của sông ngòi nước ta là Tây Bắc – Đông Nam và vòng cung là do tác động của yếu tố nào?
A. Vị trí địa lý. **B.** Địa hình. **C.** Địa chất. **D.** Lượng mưa.
- Câu 242:** Để hạn chế lũ lụt, một trong những biện pháp hữu hiệu nhất là gì?
A. Chặt cây phá rừng. **B.** xử lý nước thải, chất thải công nghiệp.
C. Khai thác tốt các nguồn lợi từ sông. **D.** Đắp đê ngăn lũ.
- Câu 243:** Hệ thống sông nào lớn nhất nước ta?
A. Sông Hồng. **B.** Sông Đà. **C.** Sông Thái Bình. **D.** Sông Cửu Long.
- Câu 244:** Sông ngòi nước ta chủ yếu là những sông có đặc điểm
A. nhỏ, ngắn và dốc. **B.** nhỏ, ngắn và sông chảy êm đềm.
C. sông dài, lớn và dốc. **D.** sông dài, lớn và chảy êm đềm.
- Câu 245:** Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chủ yếu là
A. tây bắc-đông nam và vòng cung. **B.** tây bắc-đông nam và tây-đông.
C. vòng cung và tây-đông. **D.** tây-đông và bắc- nam.
- Câu 246:** Chế độ nước của sông ngòi nước ta là
A. sông ngòi đầy nước quanh năm.
B. Lũ vào thời kì mùa đông.
C. Hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt.
D. Sông ngòi nhiều nước nhưng càng về hạ lưu thì lượng nước càng giảm.
- Câu 247:** Dựa vào Atlas trang 10, đỉnh lũ của sông Hồng vào tháng nào?
A. Tháng 6. **B.** Tháng 7. **C.** Tháng 8. **D.** Tháng 9.

- Câu 248:** Dựa vào Atlas trang 10, đỉnh lũ của sông Cửu Long vào tháng nào?
A. Tháng 7. **B.** Tháng 8. **C.** Tháng 9. **D.** Tháng 10.
- Câu 249:** Lượng phù sa lớn của sông ngòi tập trung chủ yếu vào hai hệ thống sông nào của nước ta?
A. Sông Hồng và sông Mã. **B.** Sông Mã và sông Đồng Nai.
C. Sông Đồng Nai và sông Mê Công. **D.** Sông Hồng và sông Mê Công.
- Câu 250:** Dựa vào Atlas trang 10, cho biết Việt Nam có mấy hệ thống sông lớn?
A. 7. **B.** 8. **C.** 9. **D.** 10.
- Câu 251:** Đặc điểm lũ của sông ngòi Bắc Bộ là
A. Lũ lên chậm và rút chậm. **B.** Lũ lên nhanh rút chậm.
C. Lũ lên nhanh rút nhanh. **D.** Lũ lên chậm rút nhanh.
- Câu 252:** Đặc điểm chủ yếu của sông ngòi Trung Bộ là
A. sông dài, nhiều hệ thống sông lớn. **B.** sông nhỏ, ngắn và dốc.
C. sông lớn, dốc, hướng vòng cung. **D.** sông dài, lớn và dốc.
- Câu 253:** Yếu tố nào *không phải* là thế mạnh của mạng lưới sông ngòi vùng đồng bằng sông Cửu Long?
A. phát triển công nghiệp thủy điện. **B.** trồng lúa nước và cây ăn quả.
C. chăn nuôi thủy sản nước mặn, nước lợ. **D.** phát triển giao thông và du lịch.
- Câu 254:** Đặc điểm chế độ của nước sông ngòi Nam Bộ
A. Lượng nước lớn, chế độ nước theo mùa nhưng điều hòa hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.
B. Lưu lượng nước ít, chế độ theo mùa nhưng điều hòa hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.
C. Lượng nước lớn quanh năm, chế độ nước sông rất điều hòa.
D. Lưu lượng nước ít, chế độ theo mùa nhưng khắc nghiệt hơn sông ngòi Bắc Bộ và Trung Bộ.
- Câu 255:** Sông Mê Công chảy qua bao nhiêu quốc gia:
A. 5. **B.** 6. **C.** 7. **D.** 8.
- Câu 256:** Căn cứ vào Atlas trang 10, theo thứ tự từ Bắc vào Nam tương ứng là các hệ thống sông lớn:
A. Sông Hồng, sông Cả, sông Trà Khúc, sông Đồng Nai, sông Đà Rằng, sông Cửu Long.
B. Sông Hồng, sông Trà Khúc, sông Cả, sông Đồng Nai, sông Đà Rằng, sông Cửu Long.
C. Sông Hồng, sông Cả, sông Trà Khúc, sông Đà Rằng, sông Đồng Nai, sông Cửu Long.
D. Sông Hồng, sông Trà Khúc, sông Cả, sông Đà Rằng, sông Đồng Nai, sông Cửu Long.
- Câu 257:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Bé thuộc lưu vực sông nào sau đây?
A. Lưu vực sông Thu Bồn. **B.** Lưu vực sông Đồng Nai.
C. Lưu vực sông (Đà Rằng). **D.** Lưu vực sông Mê Công.
- Câu 258:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông Đà thuộc lưu vực sông nào sau đây?
A. Lưu vực sông Thái Bình. **B.** Lưu vực sông Hồng.
C. Lưu vực sông Mã. **D.** Lưu vực sông Kỳ Cùng – Bằng Giang.
- Câu 259:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết sông La Ngà thuộc lưu vực sông nào sau đây?
A. Lưu vực sông Đồng Nai. **B.** Lưu vực sông Thu Bồn.
C. Lưu vực sông Mê Công. **D.** Lưu vực sông Ba (Đà Rằng).

Bài 36. ĐẶC ĐIỂM ĐẤT VIỆT NAM.

- Câu 260:** Nhân tố nào sau đây không phải là nhân tố hình thành đất?

- A. Sông ngòi. B. Địa hình. C. Đá mẹ. D. Tác động của con người.

Câu 261: Lớp vỏ phong hoá của thổ nhưỡng nước ta dày là do

- A. đá mẹ dễ phong hoá. B. địa hình dốc.
C. nằm trong khu vực nhiệt đới. D. thời gian hình thành lâu.

Câu 262: Căn cứ vào Atlas Việt Nam trang 11, nước ta có mấy nhóm đất chính?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 263: Nhóm đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở nước ta?

- A. Phù sa. B. Feralit. C. Mùn núi cao. D. Badan.

Câu 264: Các loại cây công nghiệp (chè, cà phê...) phù hợp nhất với loại đất nào?

- A. Phù sa. B. Feralit. C. Mùn núi cao. D. Đất mặn ven biển.

Câu 265: Loại đất mặn ven biển thích hợp nhất cho hoạt động nông nghiệp nào sau đây?

- A. Trồng cây công nghiệp. B. Trồng rừng đầu nguồn.
C. Trồng rừng ngập mặn. D. Trồng cây lương thực.

Câu 266: Đặc điểm của nhóm đất feralit không phải là

- A. đất chua, nghèo mùn, nhiều sét.
B. đất có mùa đỏ vàng do có nhiều hợp chất sắt và nhôm.
C. đất phân bố chủ yếu ở vùng miền đồi núi thấp.
D. phân bố ở các đồng bằng hạ lưu sông.

Câu 267: Nhóm đất mùn núi cao phân bố chủ yếu ở đâu?

- A. Vùng núi thấp. B. Vùng núi cao. C. Vùng đồng bằng. D. Vùng ven biển.

Câu 268: Đất phù sa thích hợp để canh tác các sản phẩm nông nghiệp nào?

- A. Các cây công nghiệp lâu năm. B. Trồng rừng.
C. Lúa, hoa màu, cây ăn quả,... D. Khó khăn cho canh tác.

Câu 269: Loại đất nào đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm nhất là miền đồi núi?

- A. Đất xám bạc màu. B. Đất phù sa. C. Đất feralit. D. Đất bazan.

BÀI 37,38: SINH VẬT VIỆT NAM.

Câu 270: Sự đa dạng của sinh vật Việt Nam *không* thể hiện ở

- A. kiểu hệ sinh thái. B. thành phần loài.
C. công dụng của các sản phẩm. D. gen di truyền.

Câu 271: Trong các hệ sinh thái, hệ sinh thái ngày càng bị thu hẹp là

- A. hệ sinh thái ngập mặn. B. hệ sinh thái nông nghiệp.
C. hệ sinh thái nông – lâm kết hợp. D. hệ sinh thái nguyên sinh.

Câu 272: Dãy đất bãi bồi ven biển là môi trường sống thuận lợi cho hệ sinh thái nào?

- A. Rừng thưa rụng lá. B. Rừng tre nứa.
C. Rừng ngập mặn. D. Rừng ôn đới.

Câu 273: Rừng trồng cây lấy gỗ, cây công nghiệp thuộc hệ sinh thái nào?

- A. Hệ sinh thái nông nghiệp. B. Hệ sinh thái tự nhiên.
C. Hệ sinh thái nguyên sinh. D. Hệ sinh thái rừng ngập mặn.

Câu 274: Trong các hệ sinh thái, hệ sinh thái ngày càng mở rộng là

- A. hệ sinh thái ngập mặn. B. hệ sinh thái nông – lâm-nghệ nghiệp.

C. hệ sinh thái tre nứa. D. hệ sinh thái nguyên sinh.

Câu 275: Hệ sinh thái rừng ngập mặn phân bố ở đâu?

- A. Rộng khắp trên cả nước. B. Vùng đồi núi.
C. Vùng đồng bằng. D. Vùng đất bãi triều cửa sông, ven biển, ven các đảo.

Câu 276: Đây không phải là giá trị chủ yếu của tài nguyên sinh vật nước ta?

- A. Kinh tế. B. Văn hoá. C. Du lịch. D. Tâm linh.

Câu 277: Đây không phải là nguyên nhân làm nguồn tài nguyên sinh vật nước ta giảm sút nghiêm trọng?

- A. Phá rừng làm nương rẫy. B. Khai thác quá mức.
C. Phát triển du lịch. D. Cháy rừng, chiến tranh.

Câu 278: Để bảo vệ và phát triển tài nguyên sinh vật hiệu quả chúng ta cần phải làm gì?

- A. Khai thác tối đa nguồn lợi từ sinh vật.
B. Tăng diện tích rừng trồng, giảm diện tích rừng tự nhiên.
C. Xây dựng các mô hình nông – lâm – ngư kết hợp.
D. Chuyển đổi diện tích rừng sang đất nông nghiệp.

Câu 279: Nhận định nào sau đây không đúng với đặc điểm sinh vật Việt Nam?

- A. Đa dạng nhưng không vô tận. B. Rừng tự nhiên ngày càng mở rộng.
C. Một số loài có nguy cơ tuyệt chủng. D. Rừng tự nhiên giảm sút nghiêm trọng.

Câu 280: Hình thức khai thác sinh vật nào sau đây làm cạn kiệt sinh vật biển nghiêm trọng nhất?

- A. Đánh bắt xa bờ. B. Đánh bắt ven bờ.
C. Đánh bắt cá bằng lưới. D. Đánh bắt bằng thuốc nổ.

Câu 281: Hệ sinh thái nông nghiệp phân bố ở đâu?

- A. Vùng đồi núi. B. Vùng đồng bằng.
C. Vùng ven biển. D. Rộng khắp, ngày càng mở rộng.

Bài 39. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM.

Câu 282: Tính chất nào không đúng với đặc điểm của tự nhiên Việt Nam?

- A. Thuần nhất từ Bắc vào Nam. B. Tính nhiệt đới gió mùa.
C. Tính ven biển và đồi núi. D. Tính phân hoá đa dạng phức tạp.

Câu 283: Nói Việt Nam là một nước ven biển không phải vì?

- A. Có nhiều tỉnh thành giáp biển. B. Có bờ biển dài.
C. Biển ảnh hưởng sâu sắc đến khí hậu. D. Tất cả các tỉnh thành đều giáp biển.

Câu 284: Tại sao nói Việt Nam là xứ sở của cảnh quan đồi núi?

- A. Địa hình cao. C. Có một phần diện tích là đồi núi.
C. Đồi núi góp phần quan trọng vào nền kinh tế. D. 3/4 diện tích lãnh thổ là đồi núi.

Câu 285: Loại cảnh quan chiếm ưu thế trong cảnh quan chung của tự nhiên Việt Nam là:

- A. Cảnh quan đồi núi. B. Cảnh quan đồng bằng.
C. Cảnh quan bờ biển. D. Cảnh quan đảo và quần đảo.

Câu 286: Đây không phải là nguyên nhân làm cho tự nhiên Việt Nam phân hóa đa dạng?

- A. Vị trí địa lý. B. Lịch sử phát triển.
C. Tác động của con người. D. Thiên tai.

Câu 287: Việt Nam là một nước nhiệt đới được thể hiện tập trung nhất ở thành phần tự nhiên nào nhất?

- A. Địa hình. B. Khí hậu. C. Sông ngòi. D. Sinh vật.

- Câu 288:** Vào mùa nào trong cả nước tính chất nóng ẩm bị xáo trộn nhiều nhất
A. Mùa xuân. **B.** Mùa hạ. **C.** Mùa thu. **D.** Mùa đông.
- Câu 289:** Việt Nam là một nước nhiệt đới được thể hiện ở thành phần sinh vật như thế nào:
A. Sinh vật nước ta chủ yếu là các loài sinh vật của vùng nhiệt đới và cận xích đạo.
B. Sự giàu có về thành phần loài sinh vật.
C. Sinh vật phong phú và đa dạng.
D. Ngoài các loài nhiệt đới còn có các loài sinh vật có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.
- Câu 290:** Cảnh quan vùng đồi núi nước ta thay đổi nhanh chóng theo quy luật nào?
A. Quy luật địa đới. **B.** Quy luật đai cao.
C. Quy luật địa ô. **D.** Cảnh quan vùng núi ít thay đổi.
- Câu 291:** Cảnh quan vùng đồi núi nước ta thay đổi nhanh chóng theo quy luật đai cao thể hiện rõ rệt nhất ở vùng núi nào nước ta?
A. Đông Bắc. **B.** Tây Bắc. **C.** Trường Sơn Bắc. **D.** Trường Sơn Nam.
- Bài 41. MIỀN BẮC VÀ ĐÔNG BẮC BẮC BỘ.**
- Câu 292:** Đặc điểm nổi bật của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là:
A. Có mùa đông lạnh nhất cả nước. **B.** Mùa đông mưa nhiều, ẩm áp.
C. Mùa hạ kéo dài, khô hạn. **D.** Khí hậu điều hòa, nóng ẩm quanh năm.
- Câu 293:** So sánh về độ cao với vùng núi Tây Bắc thì vùng Đông Bắc có địa hình:
A. Thấp hơn. **B.** Cao hơn. **C.** Ngang bằng nhau. **D.** Cao hơn rất nhiều.
- Câu 294:** Loại khoáng sản nào của vùng vùng có trữ lượng lớn nhất cả nước?
A. Bô xít. **B.** Dầu khí. **C.** Than đá. **D.** Đồng.
- Câu 295:** Loại thiên tai nào thường xảy ra nhất ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?
A. Lũ quét, sạt lở đất. **B.** Hạn hán. **C.** Giá rét. **D.** Lũ lụt.
- Câu 296:** Tỉnh nào của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ giáp biển?
A. Quảng Ninh. **B.** Thái Nguyên. **C.** Lạng Sơn. **D.** Lào Cai.
- Câu 297:** Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ bao gồm:
A. Khu vực đồi núi tả ngạn sông Hồng và khu đồng bằng sông Hồng.
B. Khu vực đồi núi tả ngạn sông Hồng và khu đồng bằng Bắc Bộ.
C. Khu vực đồi núi hữu ngạn sông Hồng và khu đồng bằng sông Hồng.
D. Khu vực đồi núi hữu ngạn sông Hồng và khu đồng bằng Bắc Bộ.
- Câu 298:** Đặc điểm chung khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ:
A. Tính chất nhiệt gió mùa thể hiện rõ nét.
B. Tính chất nhiệt đới bị giảm sút mạnh mẽ, mùa đông lạnh nhất cả nước.
C. Một nền nhiệt nóng quanh năm, có mùa khô sâu sắc.
D. Mưa lệch về thu đông.
- Câu 299:** Tính chất nhiệt đới bị giảm sút mạnh mẽ tạo điều kiện thuận lợi cho miền phát triển nền nông nghiệp
A. nhiệt đới. **B.** xích đạo. **C.** cận xích đạo. **D.** cận nhiệt đới.
- Câu 300:** Tài nguyên khoáng sản nổi bật của vùng là
A. Than đá, dầu mỏ, bôxít, đá vôi,.... **B.** Than đá, apatit, thiếc, đá vôi, sắt,....
C. Dầu mỏ, bôxít, voforam, titan.... **D.** Dầu mỏ, thiếc, sắt, bôxít,....

- A. Tây Nguyên. B. Nam Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng Sông Cửu Long.

Câu 314: Loại cây công nghiệp mang lại giá trị lớn cho người dân của vùng là:

- A. cà phê, cao su, dứa. B. chè, củ cải đường.
C. lúa gạo, ngô. D. lạc, đậu tương.

Câu 315: Ngoài phát triển lúa nước, cây công nghiệp miền còn thế mạnh về ngành nông nghiệp nào?

- A. Nghề rừng. B. Du lịch.
C. Nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản. D. Công nghiệp.

Câu 316: Giới hạn của của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. Từ dãy Bạch Mã trở vào nam. B. Từ dãy Bạch Mã trở ra bắc.
C. Từ dãy Hoàng Sơn trở vào nam. D. Từ dãy Hoàng Sơn trở vào.

Câu 317: Đặc điểm chung của khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. Tính chất á nhiệt đới thể hiện rõ nét.
B. Tính chất nhiệt đới bị giảm sút mạnh mẽ, mùa đông lạnh nhất cả nước.
C. Một nền nhiệt nóng quanh năm, có mùa khô sâu sắc.
D. Nhiệt đới gió mùa nóng quanh năm, có mùa khô sâu sắc.

Câu 318: Mùa mưa của Duyên Hải Nam Trung Bộ rơi vào thời gian nào?

- A. Mùa hạ. B. Mùa hạ-thu. C. Mùa thu. D. Mùa thu- đông.

Câu 319: Địa hình của vùng núi Trường Sơn có đặc điểm nào?

- A. Địa hình cao và đồ sộ nhất cả nước, núi non trùng điệp, thung lũng sâu.
B. Địa hình chủ yếu là các đồi núi thấp với các cánh cung lớn.
C. Vùng đồi núi và cao nguyên hùng vĩ, nổi bật là các cao nguyên badan.
D. Vùng núi thấp hai sườn không đối xứng.

Câu 320: Dựa vào Atlas trang 14 và trang 8, tài nguyên khoáng sản nổi bật của vùng là

- A. than đá, crôm, thiếc, sắt, vàng B. thiếc, apatit, thiếc, đá vôi, sắt,....
C. than đá, chì, bôxít, đất hiếm, titan.... D. dầu khí, bôxít, than bùn, titan....

Câu 321: Những khó khăn về tự nhiên của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. Ngập lụt, bão lũ, địa hình chia cắt mạnh.
B. Rét đậm, rét hại, sương muối, lũ ống lũ quét.
C. Bão lũ, sương muối, giá rét, sạt lở bờ biển.
D. Mùa khô sâu sắc và kéo dài, cháy rừng, xâm nhập mặn, sa mạc hóa...

ÔN TẬP ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM.

Câu 322: Mùa gió mùa Đông Bắc ở nước ta diễn ra vào thời gian nào trong năm?

- A. Từ tháng 10 đến tháng 4. B. Từ tháng 11 đến tháng 4.
C. Từ tháng 11 đến tháng 5. D. Từ tháng 10 đến tháng 6.

Câu 323: phần lớn đồi núi nước ta ở độ cao:

- A. Trên 1000m. B. Trên 2000m. C. Dưới 1000m. D. Từ 1000m đến 2000m.

Câu 324: Hướng nghiêng chung của địa hình nước ta:

- A. Tây Bắc- Đông Nam. B. Đông Bắc- Tây Nam.
C. Đông Nam - Tây Bắc. D. Tây Nam – Đông Bắc.

Câu 325: Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chính là:

- A. Hướng Tây- Đông và hướng vòng cung.
- B. Hướng Tây Bắc – Đông Nam và hướng vòng cung.
- C. Hướng Đông Bắc –Tâynam và hướng vòng cung.
- D. Hướng Đông Nam -Tây Bắc và hướng vòng cung.

Câu 326: Tính chất nào là chủ yếu trong các tính chất của thiên nhiên Việt Nam?

- A. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm.
- B. Tính chất đồi núi.
- C. Tính chất ven biển hay tính chất bán đảo.
- D. Tính chất đa dạng và phức tạp.

Câu 327: Dựa vào Atlas trang 9, thời tiết khô nóng do gió phơn Tây Nam thường diễn ra ở miền nào?

- A. Miền Đông Bắc.
- B. Miền Tây Nguyên.
- C. Nam Bộ.
- D. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Câu 328: “ nóng, ẩm, thường gây mưa nhiều trên cả nước” ‘là đặc điểm, tính chất của loại gió nào?

- A. Đông Bắc.
- B. Tây Nam.
- C. Phơn Tây Nam.
- D. Tín phong.

Câu 329: “ nửa đầu mùa lạnh khô, nửa sau lạnh ẩm” ‘là đặc điểm, tính chất của loại gió nào?

- A. Đông Bắc.
- B. Tây Nam.
- C. Phơn Tây Nam.
- D. Tín phong.

Câu 330: Mùa gió mùa Tây Nam ở nước ta diễn ra vào thời gian nào trong năm:

- A. Từ tháng 5 đến tháng 9.
- B. Từ tháng 5 đến tháng 10.
- C. Từ tháng 4 đến tháng 12.
- D. Từ tháng 10 đến tháng 6.

Câu 331: Dạng địa hình cac-xơ phân bố chủ yếu ở vùng núi nào?

- A. Tây Bắc.
- B. Tây Nguyên.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D. Trường Sơn Nam.

Câu 332: Dựa vào Atlas trang 13+ 14, vùng núi có địa hình cao nhất Việt Nam là

- A. Tây Bắc.
- B. Đông Bắc.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D. Trường Sơn Nam.

Câu 333: Dãy đất bãi bồi ven biển là môi trường sống thuận lợi cho hệ sinh thái nào?

- A. Rừng thưa rụng lá.
- B. Rừng tre nứa.
- C. Rừng ngập mặn.
- D. Rừng ôn đới.

Câu 334: Rừng trồng cây lấy gỗ, cây công nghiệp thuộc hệ sinh thái nào?

- A. Hệ sinh thái nông nghiệp.
- B. Hệ sinh thái tự nhiên.
- C. Hệ sinh thái nguyên sinh.
- D. Hệ sinh thái rừng ngập mặn.

Câu 335: Trong các hệ sinh thái, hệ sinh thái ngày càng mở rộng là

- A. hệ sinh thái ngập mặn.
- B. hệ sinh thái nông –lâm-ngư nghiệp.
- C. hệ sinh thái tre nứa.
- D. hệ sinh thái nguyên sinh.

Câu 336: Loại đất phù sa thích hợp nhất cho loại cây trồng nào sau đây?

- A. Cây lương thực.
- B. Trồng rừng đầu nguồn.
- C. Trồng cây công nghiệp.
- D. cây thuốc, dược liệu.

Câu 337: Sự đa dạng của sinh vật Việt Nam *không* thể hiện ở

- A. kiểu hệ sinh thái.
- B. thành phần loài.
- C. giá trị kinh tế các sản phẩm.
- D. gen di truyền.

Câu 338: Trong các hệ sinh thái, hệ sinh thái ngày càng bị thu hẹp là

- A. hệ sinh thái ngập mặn.
- B. hệ sinh thái nông nghiệp.
- C. hệ sinh thái nông –lâm kết hợp.
- D. hệ sinh thái nguyên sinh.

Câu 339: Trong các hệ thống sông ở nước ta, sông ngòi ở khu vực nào có chế độ nước rất thất thường?

- A. hệ thống sông Bắc Bộ.
- B. hệ thống sông Trung Bộ.

C. hệ thống sông Nam Bộ.

D. chế độ nước sông điều hòa trên cả nước.

Câu 340: Sông ngòi ở khu vực Nam Bộ có đặc điểm nổi bật là

A. điều hoà theo mùa. B. nhiều phù sa. C. sông hẹp, nhỏ. D. ngắn và dốc.

Câu 341: Nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất nước ta là:

A. Phù sa. B. Feralit. C. Mùn núi cao. D. Badan.

Câu 342: Dựa vào Atlas trang 4+5, cho biết tỉnh thành nào sau đây vừa giáp biển vừa giáp Trung Quốc?

A. Đà Nẵng. B. Hà Giang. C. Quảng Ninh. D. Thừa Thiên Huế.

Câu 343: Bộ phận nổi bật, quan trọng nhất trong cấu trúc địa hình Việt Nam là

A. đồng bằng. B. đồi núi. C. bờ biển. D. thềm lục địa.

Câu 344: Các loại cây công nghiệp (chè, cà phê...) phù hợp nhất với loại đất nào?

A. Phù sa. B. Feralit. C. Mùn núi cao. D. Đất đồng bằng.

Câu 345: Dựa vào Atlas trang 13+ 14, Phanxipăng – đỉnh núi cao nhất Việt Nam, nằm ở dãy núi nào?

A. Trường Sơn Bắc. B. Trường Sơn Nam. C. Hoàng Liên Sơn. D. Hoành Sơn.

Câu 346: Dựa vào Atlas trang 13+ 14, đặc điểm nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

A. núi cao, đồ sộ. B. núi hướng Tây Bắc-Đông Nam.
C. núi thấp, hướng vòng cung. D. cao nguyên ba dan rộng lớn.

Câu 347: Dựa vào Atlas trang 4+5, đồng bằng có diện tích lớn nhất nước ta là

A. đồng bằng sông Hồng. B. đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ.
C. đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ. D. đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 348: Dựa vào Atlas trang 13+14, các cao nguyên: Mộc Châu, Sơn La, Sín Chải thuộc vùng núi nào?

A. Đông Bắc. B. Tây Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 349: Dựa Atlas trang 10, cho biết hệ thống sông nào có diện tích lưu vực nhỏ nhất nước ta?

A. Sông Hồng. B. Sông Cả. C. Sông Thu Bồn. D. Sông Kỳ Cùng-Bằng Giang.

Câu 350: Sông ngòi nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

A. Dày đặc. B. Phân bố rộng khắp. C. Có một số sông lớn. D. Rất ít sông ngòi.

Câu 351: Dựa vào Atlas Việt Nam trang 4+ 5, bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ tỉnh nào đến tỉnh nào?

A. Móng Cái đến Kiên Giang. B. Hải Phòng đến Kiên Giang.
C. Hải Phòng đến Cà Mau. D. Quảng Ninh đến Kiên Giang.

Câu 352: Ở nước ta có mấy nhóm đất chính?

A. 3 nhóm. B. 4 nhóm. C. 5 nhóm. D. 6 nhóm.

Câu 353: Hướng chảy chính của sông ngòi nước ta là Tây Bắc – Đông Nam và vòng cung là do tác động của yếu tố nào?

A. Vị trí địa lý. B. Địa hình. C. Địa chất. D. Lượng mưa.

Câu 354: Để hạn chế lũ lụt, một trong những biện pháp hữu hiệu nhất là gì?

A. Chặt cây phá rừng. B. Xử lý nước thải, chất thải công nghiệp.
C. Khai thác tốt các nguồn lợi từ sông. D. Đắp đê ngăn lũ.

Câu 355: Hệ thống sông lớn nhất nước ta là

A. Sông Hồng. B. Sông Đà. C. Sông Thái Bình. D. Sông Cửu Long.

Câu 356: Sông ngòi ở Trung Bộ có đặc điểm

- A.** nhiều sông lớn. **B.** sông dài và nhiều phù sa.
C. sông nhỏ, ngắn, dốc. **D.** lòng sông rộng.

-----HẾT-----